

NGHIÊN CỨU TẦM QUAN TRỌNG CỦA DẠY HỌC BLENDED LEARNING Ở CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC

Lý Thuận An*

ABSTRACT

The Industrial Revolution 4.0 with the strong development of information technology has changed all aspects of social life, in which education has been strongly affected with breakthroughs in teaching and learning technology. This process of change has created many modern teaching methods, applying the strengths of digital technology to the teaching process, as well as limiting the disadvantages of traditional teaching methods. Prominent among them is the Blended learning teaching method

Keywords: Importance, university, teaching blended learning

Received: 21/01/2022; **Accepted:** 24/01/2022; **Published:** 7/3/2022

1. Đặt vấn đề

Cuộc cách mạng Công nghiệp 4.0 (CMCN) với sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ thông tin (CNTT) đã làm thay đổi mọi mặt của đời sống xã hội, trong đó giáo dục đã và đang bị tác động mạnh với những bước đột phá về công nghệ dạy và học. Đặc biệt ở các trường đại học, sự đột phá này càng diễn ra mạnh mẽ hơn nhằm đáp ứng xu thế hội nhập quốc tế và đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao. Quá trình thay đổi này đã tạo ra nhiều phương pháp dạy học (PPDH) hiện đại, ứng dụng những điểm mạnh của công nghệ số (CNS) vào quá trình dạy học, cũng như hạn chế được nhược điểm của PPDH truyền thống. Nổi bật trong đó là PPDH Blended learning - là cách tiếp cận giáo dục kết hợp các tài liệu giáo dục trực tuyến và cơ hội tương tác trực tuyến với các PPDH dựa trên địa điểm truyền thống.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Một số khái niệm

2.1.1. Khái niệm Blended learning

Blended learning là một thuật ngữ được sử dụng nhiều trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo ở các nước phát triển như Hoa Kỳ, Nhật Bản, ... Học kết hợp xuất phát từ nghĩa của từ "Blend"

tức là "pha trộn". Có nhiều định nghĩa khác nhau về học kết hợp, tuy nhiên, có ba cách định nghĩa được sử dụng rộng rãi.

(1) Blended Learning có nghĩa là sự kết hợp các PPDH (hoặc cung cấp các phương tiện truyền thông) (Bersin & Associates, 2003; Orey, 2002a, 2002b; Singh & Reed, 2001; Thomson, 2002).

(2) Blended Learning được hiểu là kết hợp các phương pháp giảng dạy (Driscoll, 2002; House, 2002; Rosset, 2002).

(3) Blended Learning được hiểu với nghĩa là sự kết hợp hướng dẫn trực tuyến và sự hướng dẫn đối mặt (Reay, 2001; Rooney, 2003; Sands, 2002; Ward & LaBranche, 2003; Young, 2002).

Tại Việt Nam, Blended learning còn là một khái niệm mới, chưa được nghiên cứu nhiều. Tác giả Nguyễn Văn Hiền (2009) có đưa ra một khái niệm tương tự là "Học tập hỗn hợp" để chỉ hình thức kết hợp giữa cách học trên lớp với học tập có sự hỗ trợ của công nghệ, học tập qua mạng. Tác giả Nguyễn Danh Nam (2007) cũng đưa ra nhận định: sự kết hợp giữa E-learning với lớp học truyền thống trở thành một giải pháp tốt, nó tạo thành một mô hình đào tạo là "Blended learning".

2.1.2. Khái niệm Dạy học Blended learning tại trường đại học

*HVCH Trường ĐH Sư phạm TPHCM

ThS., Phó Trưởng phòng TT-QLSV-ĐBCLGD, Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai

Theo Wong và cộng sự (2014) thì Blended learning trong giáo dục đại học là một cách tiếp cận phổ biến tạo ra một môi trường học tập hợp tác và thân thiện hơn nhằm hạn chế sự lo lắng và sợ mắc lỗi của sinh viên.

Theo Phạm Viết Vượng (2013) thì dạy học ở trường đại học là quá trình hoạt động tương tác giữa GV và SV, một hoạt động có chương trình, nội dung, có phương pháp dạy học mang tính khoa học, kỹ thuật và nghệ thuật và nhất thiết chúng phải được diễn ra bằng các hình thức tổ chức dạy học phù hợp.

BL sử dụng sự kết hợp giữa hướng dẫn trực tiếp và trung gian trực tuyến để giúp giảng viên đạt được các mục tiêu sư phạm trong việc đào tạo sinh viên tạo ra các kỹ năng hợp lý mang tính thuật toán và xây dựng, hỗ trợ để nâng cao phẩm chất giảng dạy và đạt được trật tự xã hội (Kaur 2013). Một số nhà nghiên cứu [chẳng hạn như Bowyer và Chambers (2017)] cho rằng tích hợp công nghệ trong giảng dạy thúc đẩy việc học thông qua khám phá. Đồng thời bổ sung tính tương tác và nhiều động lực hơn, dẫn đến phản hồi tốt hơn, tương tác xã hội và sử dụng tài liệu khóa học (Sun và Qiu 2017).

2.2. Tâm quan trọng của dạy học Blended learning trong các trường học

2.2.1. Đối với cơ sở giáo dục và xã hội

Nâng cao hiệu quả chi phí và nguồn lực: Có nhiều lí do để lựa chọn hình thức học tập kết hợp, Bonk và Graham (2012) đã đưa ra lí do chính là giàu tính sư phạm, dễ tiếp cận và hiệu quả chi phí.

Giàu tính sư phạm được thể hiện thông qua việc các hoạt động học tập có cơ hội diễn ra nhiều hơn, đa dạng hơn, kết hợp chặt chẽ hơn và đạt hiệu quả cao hơn. Việc kết hợp được các không gian học tập với nhau giúp cho thời gian học tập được kéo dài hơn về mặt thời gian, giúp cho GV có thể đưa vào đó những hoạt động học tập phù hợp hơn với từng không gian học tập.

Thiết kế và triển khai một số hoạt động học tập mới bằng cách ứng dụng CNTT và internet giúp mang lại những trải nghiệm mới và nâng cao hiệu quả học tập. Chẳng hạn, các bài giảng

tương tác, các bài hướng dẫn được xây dựng theo hướng kiến tạo, các kênh giao tiếp đa chiều,... là những hoạt động mà sẽ không thể có được nếu không có sự hỗ trợ công nghệ.

Dễ tiếp cận là một trong những ưu điểm nổi bật của các khóa học kết hợp. Người học được chủ động hơn về mặt thời gian, không bị ràng buộc quá nhiều về việc phải có mặt ở các cơ sở đào tạo, có thể truy xuất các tài nguyên học tập bất cứ lúc nào, được cung cấp các kênh giao tiếp một cách thuận lợi,... là những yếu tố giúp giải phóng người học khỏi những hoạt động phục vụ cho việc học tập, thay vào đó người học tập trung hơn vào bản thân các hoạt động học tập để đạt được hiệu quả cao nhất.

Hiệu quả chi phí là yếu tố mang lại lợi ích cho cả các đơn vị cung cấp dịch vụ đào tạo và người học. Về phía các đơn vị cung cấp dịch vụ, họ có thể cung cấp dịch vụ, tiếp cận nhiều người học hơn, nâng cao năng lực chăm sóc người học nhờ sự hỗ trợ công nghệ. Về phía người học, chi phí các khóa học được cắt giảm giúp học.

Dễ dàng tiếp cận, trao đổi học thuật, nguồn lực với cơ sở giáo dục khác: Minna Kumpu, Salla Atkins, Merrick Zwarenstein, Lungiswa Nkonki, 2015, A partial economic evaluation of blended learning in teaching health research methods: a three-university collaboration in South Africa, Sweden, and Uganda, có thể thực hiện với ý định chia sẻ nguồn lực giảng dạy hạn chế giữa các cơ sở và tăng khả năng tiếp cận giáo dục, có tiềm năng hỗ trợ nâng cao năng lực nghiên cứu trong những môi trường hạn chế về nguồn lực.

Theo Graham và cộng sự. (2013) các giảng viên áp dụng BL như một phương pháp giảng dạy vì nó giúp tăng tính linh hoạt và khả năng tiếp cận các tài nguyên khóa học cũng như tăng hiệu quả chi phí. BL giảm thời gian trên lớp của sinh viên và giảng viên và sau đó tiết kiệm chi phí nhân sự (Poon, 2012). ...

Điều này có thể rất khát khe, vì nó liên quan đến việc giảng viên phải rời khỏi phương pháp sư phạm hiện tại của họ và đánh giá nhiều lựa chọn học tập và giảng dạy hiện có (Bokolo Jr

et al. 2020). Tuy nhiên, nó cho phép việc giảng dạy và sáng tạo đổi mới giáo huấn diễn ra trong chương trình khóa học và trong toàn trường (Graham và cộng sự, 2013; Monk và cộng sự, 2020). ...

Nguyễn Hoàng Trang. Kỳ yếu hội thảo giáo dục cho mọi người đã nhận định: Việc kết hợp linh hoạt giữa hình thức dạy học trực tuyến và dạy học truyền thống với những tỉ lệ khác nhau sẽ giúp phân hóa trình độ học sinh, cá nhân hóa việc học; dạy học kết hợp cũng giúp các trường giảm chi phí cho nguồn nhân lực.

Linh hoạt trong việc thiết kế chương trình đào tạo, Hỗ trợ tốt cho việc đạt được mục tiêu giáo dục; Tăng khả năng tiếp cận giáo dục đại học cho nhiều đối tượng

2.2.2. Đối với người học

Từ các tài liệu, học tập kết hợp dường như hiệu quả hơn các hình thức hướng dẫn học tập khác vì nó kết hợp các lợi ích của cả tương tác trực tiếp cá nhân và cài đặt trực tuyến (Kerres và deWitt 2003; Pratt 2002). Điều này phù hợp với lý thuyết đa phương tiện, trong đó phương tiện phong phú hơn (bằng cách cung cấp cùng một tài liệu sử dụng nhiều phương tiện) giúp tăng cường khả năng học tập, đặc biệt đối với các nhiệm vụ phức tạp và mơ hồ (Daft và Lengel 1986). Phân tích tổng hợp được thực hiện bởi Trung tâm Công nghệ trong Học tập Hoa Kỳ (2009) cho thấy rằng học tập kết hợp trung bình có lợi thế lớn hơn so với hướng dẫn trực tiếp đơn thuần; tuy nhiên, phương pháp học tập trực tuyến thuần túy và kết hợp đã mang lại kết quả học tập tương tự cho học sinh. Để biện minh cho việc học kết hợp, Garrison và Kanuka (2004, trang 97) lập luận rằng sự kết hợp giữa học trực tiếp và học trực tuyến tạo điều kiện cho trải nghiệm học tập cộng tác và độc lập đồng thời, nói cách khác, học sinh có thể độc lập về không gian và thời gian, chưa cùng nhau. Đó là yếu tố trực diện của học tập kết hợp duy trì mức độ cam kết cao của học sinh và xóa bỏ cảm giác bị cô lập mà học sinh trực tuyến thường phải đối mặt (Wall, Ahmed và Smit 2006). Ngoài ra, bên cạnh việc thúc đẩy cộng đồng học tập, học tập kết hợp mở

rộng tổng thời lượng học tập dẫn đến phản xạ tốt hơn và kết quả học tập tốt hơn (Bonk, Kim và Zeng 2005).

Các nghiên cứu đã chỉ ra rằng các khóa học sử dụng phương pháp phân phối học tập kết hợp góp phần vào cải thiện kết quả học tập cho học sinh (Boyle, Brandley, Chalk, Jones & Picard, Năm 2003; Groen và Carmody, 2005; Iozzi & Osimio, 2012). Twisg (2003) báo cáo rằng các khóa học được thiết kế lại để bao gồm học tập kết hợp giúp học sinh đạt kết quả cao hơn điểm, kiến thức lớn hơn và sự hiểu biết về các khái niệm khóa học. Điều này có thể dẫn đến việc giảm tỷ lệ học sinh bỏ học ở các cơ sở giáo dục đại học.

- Một lợi ích khác của học tập kết hợp là tăng cường khả năng tiếp cận học tập linh hoạt tạo điều kiện thuận lợi cho việc xem xét và kiểm soát của người học đối với môi trường học tập. Internet mang lại sự linh hoạt và hiệu quả trong các hoạt động dạy và học. Buổi dạy học có thể được thực hiện thông qua video hoặc liên kết hội nghị từ xa để người học có thể tham gia các lớp học Trực tuyến. Tài liệu nghiên cứu có sẵn trên Web. Các ứng dụng được cung cấp qua Internet như thư viện điện tử, sách điện tử, tài nguyên điện tử mang lại cơ hội cho người học và người hướng dẫn. Các phương pháp học tập kết hợp cho phép những người học sống ở một khoảng cách nào đó rời khỏi tổ chức để đăng ký vào một chương trình và thành phần trực tuyến cho phép họ làm việc bất cứ khi nào và bất cứ nơi nào họ thích vì họ có thể truy cập Internet mà không cần thực hiện cuộc hành trình đến trường (Tam, 2000).

- Garrison và Kanuka (2004) đã khám phá cách học kết hợp có thể mang lại sự chuyển đổi tiềm năng cho các cơ sở giáo dục cao hơn. Các tổ chức đại học có thể khai thác các công nghệ sáng tạo trong chương trình dạy và học bằng cách thiết kế lại chương trình giảng dạy để nâng cao cộng đồng tìm hiểu, hỗ trợ học tập tích cực và có ý nghĩa. Học tập kết hợp cũng thúc đẩy cộng đồng tinh gọn chuyên nghiệp, cải thiện danh tiếng thể chế và cho phép phát

triển sự gắn kết xã hội do sự bao gồm của thành phần trực diện (Owston, Wideman, Murphy & Lupshenyuk, 2008).

- Học tập kết hợp là hiệu quả về chi phí và nguồn lực. Chi phí thể chế giảm vì tài liệu có thể được đặt trực tuyến và sử dụng lại một cách thuận tiện (Vaughan, 2007; Holland, 2012). Quy mô của nhóm sinh viên có thể tăng lên và số lượng phòng học giảm dần. Việc sử dụng phương pháp học tập kết hợp có thể giúp giảm số lượng nhân viên và học sinh thời gian tiếp xúc trong lớp học, và do đó tiết kiệm chi phí thuê nhân viên.

- Học tập kết hợp cũng thúc đẩy sự quan tâm, nhận thức và sự hài lòng của sinh viên trong môi trường học tập. Nó cho phép sinh viên có động lực hơn và tham gia nhiều hơn vào quá trình học tập, do đó nâng cao cam kết và tính kiên trì của họ. Dziuban, Hartman, Juge, Moskal, Sorg (2006) báo cáo rằng sự hài lòng của sinh viên cao hơn với các khóa học kết hợp so với các khóa học trực tiếp đơn thuần.

Nguyễn Thị Hồng Nhung, Mai Văn Hưng. *Vận dụng mô hình dạy học kết hợp (Blended learning) trong dạy học sinh học ở trường trung học phổ thông*. Kỷ yếu hội thảo quốc tế Các vấn đề mới trong khoa học giáo dục: Tiếp cận liên ngành và xuyên ngành. Trang 194-204. Dạy học kết hợp sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho hướng phát triển cá nhân và tính chủ động của người học, với các ưu điểm như: chương trình linh hoạt, dễ cập nhật, dễ điều chỉnh, đáp ứng tối đa nhu cầu và phong cách học tập của người học; nội dung và công cụ triển khai phong phú, đa dạng; cơ hội giao tiếp và chia sẻ xã hội được mở rộng,...

Rèn luyện và nâng cao kỹ năng tự học

Nâng cao kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin, thích ứng nhanh hơn với môi trường làm việc trong tương lai

Tiếp cận được nguồn tài nguyên học tập đa dạng

Linh hoạt thời gian, không gian học tập

Cá nhân hóa việc học giúp cải thiện kết quả học tập

Những động lực chính cho việc học kết hợp

nâng cao bao gồm bối cảnh kỹ thuật số đang thay đổi (Jukes, McCain và Crockett 2010), quốc tế hóa (Barber, Donnelly và Rizvi 2013), đảm bảo và nâng cao chất lượng (Varlamis và Apostolakis 2010), và những kỳ vọng của các bên liên quan bao gồm học sinh và nhân viên ngày càng thông thạo kỹ thuật số (Frاند 2000; Garrison và Kanuka 2004). Hiểu được những điều này là điều cần thiết trong việc định vị chiến lược một cơ sở giáo dục khi xem xét việc chuyển đổi sang học tập kết hợp nâng cao. Những động lực chính này cũng đảm bảo cam kết của các bên liên quan, đặc biệt là quản lý cấp cao, trong việc dẫn dắt sự thay đổi mong muốn.

3. Kết luận

Hệ thống giáo dục hiện nay đang trong giai đoạn chuyển đổi. Để đáp ứng những thách thức của việc mở rộng và phục vụ các cá nhân cần sự cố gắng áp dụng các công nghệ mới và khám phá những con đường mới để đạt được mục tiêu chất lượng giáo dục cơ hội cho tất cả mọi người. PPDH _Blended learning trong các trường đại học ở Việt Nam còn mới mẻ với sự phát triển liên tục của công nghệ và khoa học giáo dục thì PPDH _Blended learning sẽ phù hợp với tốc độ của học và tương quan mới để mục tiêu giáo dục là đào tạo người học có khả năng ứng phó với thị trường thay đổi nhanh chóng hiện nay.

Tài liệu tham khảo

1. Adam J. Simpson (2016). *The successful incorporation of blended learning into the language curriculum*. Advanced Education, 5, 96-107, doi:10.20535/ 24108286.68608
2. Bonk, C.J., & Graham, C. R., (2012). *The handbook of blended learning: Global perspectives, local designs*.
3. Nguyễn Văn Hiền (2009). *Hình thành cho sinh viên kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin để tổ chức bài dạy sinh học*. Luận án tiến sĩ chuyên ngành lý luận và PPDH, ĐHSP Hà Nội.
4. Trần Văn Hưng. (2018). *Mô hình Blended learning trong đào tạo giáo viên trình độ đại học*. Tạp chí khoa học Giáo dục nghề nghiệp, số 52, tr. 66-74.